

# Lựa chọn trò chơi vận động trong giờ ngoại khóa cho học sinh tiểu học tỉnh Thái Nguyên

ThS. Trần Thị Tú ■

## TÓM TẮT:

Qua nghiên cứu lý luận và thực tiễn, đề tài nghiên cứu và lựa chọn các trò chơi vận động (TCVĐ) sử dụng trong giờ ngoại khóa nhằm phát triển thể chất cho học sinh tiểu học (HSTH) trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên. Kết quả qua 2 lần phỏng vấn đã lựa chọn được 30 TCVĐ thuộc 5 nhóm rèn luyện kỹ năng cho HSTH các khối lớp 1, 2, 3 và 4 với giá trị  $T > W\alpha$  ở mức  $\alpha = 0.05$ , điều đó chứng tỏ kết quả giữa 2 lần phỏng vấn là đồng nhất với nhau.

**Từ khóa:** trò chơi vận động, ngoại khóa, học sinh tiểu học, tỉnh Thái Nguyên.

## 1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Trò chơi vận động là phương tiện của giáo dục thể chất (GDTC), là hoạt động có ý thức, nhằm đạt được những kết quả, những mục đích có điều kiện đã được đặt ra. TCVĐ được cấu thành bởi hai yếu tố: vui chơi giải trí, thỏa mãn nhu cầu về mặt tinh thần; giáo dục và giáo dưỡng thể chất góp phần giáo dục đạo đức, ý chí, lòng dũng cảm, tinh thần đoàn kết... hình thành và phát triển các tố chất, kỹ năng, kỹ xảo cần thiết cho cuộc sống. Đối với tuổi học sinh, đặc biệt là HSTH, vui chơi giải trí là hoạt động đóng vai trò quan trọng trong sự phát triển tinh thần và thể chất. Các em tích lũy tri thức, kỹ năng sống, hình thành nhân cách và giải trí thông qua hoạt động vui chơi.

Qua khảo sát sơ bộ các trường tiểu học trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên cho thấy: hình thức và phương pháp tổ chức phong trào tập luyện thể thao ngoại khóa trong các trường tiểu học còn nghèo nàn và nhiều bất cập do vậy kết quả học tập môn Thể dục và thể lực của HSTH trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên còn thấp. Đặc biệt việc tổ chức các TCVĐ trong giờ ngoại khóa còn bộc lộ nhiều hạn chế; nguyên nhân có thể là do cơ sở vật chất (CSVC), đội ngũ giáo viên (GV) thể dục còn thiếu và yếu, học sinh chưa được thoải mái vui chơi bằng những TCVĐ mà các em ưa thích. Vì vậy, việc nghiên cứu lựa chọn những TCVĐ phù hợp nhằm phát triển thể chất cho HSTH trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên là vấn đề hết sức quan trọng và cần thiết. Xuất phát từ những lý do trên đề tài tiến hành nghiên cứu: **“Lựa chọn TCVĐ trong giờ ngoại khóa cho HSTH tỉnh Thái Nguyên”**.

## ABSTRACT:

Through the study of theory and practice, research topic and selection of movement games used during extra-curricular activities to develop physical education for primary pupils in Thai Nguyen province. The results of the two interviews were selected for 30 games in 5 groups of training skills for students in Grade 1, 2, 3 and 4 with  $T > W\alpha$  at  $\alpha = 0.05$ , This proves that the results of the two interviews are identical.

**Keywords:** moving Games, extra curricular, elementary school, Thai Nguyen province.

Trong quá trình nghiên cứu đề tài sử dụng các phương pháp nghiên cứu sau: tổng hợp và phân tích tài liệu, phỏng vấn và toán học thống kê.

## 2. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

### 2.1. Lựa chọn TCVĐ trong giờ ngoại khóa cho HSTH tỉnh Thái Nguyên

Để đảm bảo cơ sở khoa học cho việc lựa chọn các TCVĐ, đề tài tiến hành phỏng vấn 125 người bao gồm: 32 chuyên gia và 93 GV giỏi giảng dạy lâu năm và giàu kinh nghiệm. Để các ý kiến tập trung vào lựa chọn TCVĐ, đề tài đã đưa ra những TCVĐ phù hợp, sát thực với đặc điểm tâm sinh lý, phù hợp với điều kiện thực tế của các trường tiểu học trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên, phù hợp với năng lực của giáo viên (GV), học sinh (HS) và các điều kiện dạy học hiện có, tránh lựa chọn các TCVĐ có độ khó và phức tạp. Căn cứ vào các giáo trình TCVĐ của các tác giả giàu kinh nghiệm, sách giáo khoa thể dục các lớp từ 1 đến 5, đặc biệt chúng tôi căn cứ vào cuốn “100 TCVĐ cho HSTH” của tác giả Trần Đồng Lâm để đề xuất các TCVĐ. Những TCVĐ đưa ra đảm bảo sự phát triển hài hòa các tố chất thể lực đặc trưng của HS như: sức nhanh, sức mạnh, sức bền và khả năng phối hợp vận động, đặc biệt là hướng dẫn HS những TCVĐ để các em có thể tự tổ chức, tự chơi ở nhà.

Từ cơ sở lý luận và thực tiễn trong các trường tiểu học trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên, đặc biệt trong điều kiện GV, quỹ thời gian khi tổ chức dạy học bán

**Bảng 1. TCVĐ đề xuất lựa chọn ứng dụng trong giờ ngoại khóa cho HSTH tỉnh Thái Nguyên**

| Nhóm   | Tên Trò chơi                                                                                                                                                                       | Mục đích                                                                         |
|--------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------|
| Nhóm 1 | 1. Bịt mắt bắt dê<br>2. Tăng cầu<br>3. Làm theo hiệu lệnh<br>4. Ai giỏi hơn ai<br>5. Chọi gà<br>6. Chơi với vòng<br>7. Sáng, tối                                                   | Trò chơi rèn luyện khéo léo, thăng bằng và định hướng trong không gian           |
| Nhóm 2 | 1. Tiếp sức con thoi<br>2. Chạy với chong chóng<br>3. Giành cờ chiến thắng<br>4. Sẵn sàng chờ lệnh<br>5. Thả đĩa ba ba<br>6. Rồng, rắn<br>7. Trao khăn                             | Trò chơi rèn luyện kỹ năng đi, chạy và phát triển sức nhanh.                     |
| Nhóm 3 | 1. Gà đuổi cóc<br>2.Ếch nhảy<br>3. Lò cò tiếp sức<br>4. Tránh bóng<br>5. Nhảy dây<br>6. Nhảy ô<br>7. Nhảy cừu                                                                      | Trò chơi rèn luyện kỹ năng bật nhảy và phát triển sức mạnh chân                  |
| Nhóm 4 | 1. Cưỡi ngựa tung bóng<br>2. Ném còn<br>3. Ai kéo khỏe<br>4. Ném trứng dích<br>5. Tung bóng cho nhau<br>6. Kéo cửa lửa xẻ<br>7. Vật tay                                            | Trò chơi rèn luyện kỹ năng ném, mang vác, co kéo và phát triển sức mạnh tay ngực |
| Nhóm 5 | 1. Chuyển đồ vật<br>2. Ai nhanh và khéo hơn<br>3. Vượt rào tiếp sức<br>4. Chuyển nhanh, nhảy nhanh<br>5. Chồng đồng chồng đe<br>6. Trồng nụ trồng hoa<br>7. Nhảy từ trên cao xuống | Trò chơi rèn luyện kỹ năng phối hợp vận động và phát triển sức bền               |

trú (ngày 2 buổi), điều kiện sân bãi và thông qua quan sát sư phạm, trao đổi phỏng vấn với các chuyên gia và giáo viên, chúng tôi đề xuất tổ chức ứng dụng các TCVĐ cho HSTH tỉnh Thái Nguyên với các ý kiến tán đồng từ 70% trở lên. Trên cơ sở những căn cứ lý thuyết và thực tiễn sử dụng các TCVĐ nhằm phát triển thể chất cho HSTH, luận án gợi ý một số TCVĐ phù hợp với nội dung GDTC cho HSTH được trình bày ở bảng 1.

Các TCVĐ sau khi được đưa ra sẽ được phỏng vấn để lựa chọn. Nội dung phỏng vấn tập trung vào việc thu thập các ý kiến đánh giá và lựa chọn các TCVĐ phù hợp với HSTH lứa tuổi 6 đến 9 tuổi (tương ứng với các lớp từ lớp 1 đến lớp 4) trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên trong điều kiện thực tế hiện nay. Trên cơ sở đó tiến hành xác định mức độ đồng nhất về các ý kiến đánh giá của các chuyên gia và các giáo viên thông qua kết quả 2 lần phỏng vấn bằng tiêu chuẩn Wilcoxon (tiêu chuẩn kiểm định tính thuần nhất của 2 mẫu phụ thuộc). Kết quả phỏng vấn được trình bày tại các bảng 2 và bảng 3.

Kết quả thu được từ các bảng 2 và 3 cho thấy: Ở lần phỏng vấn thứ nhất, đa số các ý kiến lựa chọn đều tương đối độc lập tập trung vào 30 TCVĐ tương ứng với các độ tuổi của các lớp. Các TCVĐ này đều nhận được các ý kiến lựa chọn từ 70% trở lên.

Ở lần phỏng vấn thứ 2 cũng cho kết quả tương tự: hầu hết các ý kiến lựa chọn đều tập trung vào các TCVĐ đã lựa chọn ở lần thứ nhất với tỷ lệ lựa chọn chiếm từ 70% trở lên.

## 2.2. Kết quả lựa chọn TCVĐ trong giờ ngoại khóa cho HSTH tỉnh Thái Nguyên

Dựa trên kết quả thu được nhằm xác định mức độ đồng nhất và mức độ tin cậy giữa kết quả của 2 lần phỏng vấn. Luận án tiến hành xác định tiêu chuẩn Wilcoxon qua các TCVĐ được lựa chọn cho HSTH từ

**Bảng 2. Kết quả lựa chọn TCVĐ của GV trong giờ ngoại khóa cho HSTH tỉnh Thái Nguyên (lần 1, n = 125)**

| TT | Trò chơi             | Nhóm | Lứa tuổi  |         |           |         |           |         |           |         |
|----|----------------------|------|-----------|---------|-----------|---------|-----------|---------|-----------|---------|
|    |                      |      | 6 (Lớp 1) |         | 7 (Lớp 2) |         | 8 (Lớp 3) |         | 9 (Lớp 4) |         |
|    |                      |      | n         | Tỉ lệ % | n         | Tỉ lệ % | n         | Tỉ lệ % | n         | Tỉ lệ % |
| 1  | Bịt mắt bắt dê       | 1    | 101       | 80,80   | 110       | 88,00   | 38        | 30,40   | 60        | 48,00   |
| 2  | Tăng cầu             | 1    | 99        | 79,20   | 105       | 84,00   | 112       | 89,60   | 119       | 95,20   |
| 3  | Làm theo hiệu lệnh   | 1    | 62        | 49,60   | 62        | 49,60   | 91        | 72,80   | 99        | 79,20   |
| 4  | Ai giỏi hơn ai       | 1    | 97        | 77,60   | 102       | 81,60   | 81        | 64,80   | 70        | 56,00   |
| 5  | Chọi gà              | 1    | 12        | 9,60    | 51        | 40,80   | 96        | 76,80   | 117       | 93,60   |
| 6  | Chơi với vòng        | 1    | 104       | 83,20   | 112       | 89,60   | 102       | 81,60   | 119       | 95,20   |
| 7  | Sáng, tối            | 1    | 75        | 60,00   | 75        | 60,00   | 41        | 32,80   | 68        | 54,40   |
| 8  | Tiếp sức con thoi    | 2    | 28        | 22,40   | 41        | 32,80   | 110       | 88,00   | 115       | 92,00   |
| 9  | Sẵn sàng chờ lệnh    | 2    | 99        | 79,20   | 104       | 83,20   | 52        | 41,60   | 49        | 39,20   |
| 10 | Giành cờ chiến thắng | 2    | 34        | 27,20   | 72        | 57,60   | 106       | 84,80   | 113       | 90,40   |
| 11 | Chạy với chong chóng | 2    | 98        | 78,40   | 101       | 80,80   | 101       | 80,80   | 114       | 91,20   |

|    |                          |   |     |       |     |       |     |       |     |       |
|----|--------------------------|---|-----|-------|-----|-------|-----|-------|-----|-------|
| 12 | Thả đĩa ba ba            | 2 | 99  | 79,20 | 100 | 80,00 | 72  | 57,60 | 58  | 46,40 |
| 13 | Rồng, rắn                | 2 | 88  | 70,40 | 91  | 72,80 | 96  | 76,80 | 110 | 88,00 |
| 14 | Trao khăn                | 2 | 36  | 28,80 | 81  | 64,80 | 79  | 63,20 | 60  | 48,00 |
| 15 | Gà đuổi cóc              | 3 | 96  | 76,80 | 114 | 91,20 | 68  | 54,40 | 68  | 54,40 |
| 16 | Ếch nhảy                 | 3 | 103 | 82,40 | 89  | 71,20 | 113 | 90,40 | 100 | 80,00 |
| 17 | Lò cò tiếp sức           | 3 | 35  | 28,00 | 31  | 24,80 | 89  | 71,20 | 115 | 92,00 |
| 18 | Nhảy dây                 | 3 | 0   | 0,00  | 0   | 0,00  | 108 | 86,40 | 113 | 90,40 |
| 19 | Tránh bóng               | 3 | 121 | 96,80 | 100 | 80,00 | 62  | 49,60 | 51  | 40,80 |
| 20 | Nhảy ô                   | 3 | 111 | 88,80 | 101 | 80,80 | 98  | 78,40 | 91  | 72,80 |
| 21 | Nhảy cừu                 | 3 | 0   | 0,00  | 0   | 0,00  | 25  | 20,00 | 72  | 57,60 |
| 22 | Cưỡi ngựa tung bóng      | 4 | 35  | 28,00 | 51  | 40,80 | 99  | 79,20 | 109 | 87,20 |
| 23 | Ném còn                  | 4 | 52  | 41,60 | 35  | 28,00 | 96  | 76,80 | 96  | 76,80 |
| 24 | Ai kéo khỏe              | 4 | 97  | 77,60 | 104 | 83,20 | 99  | 79,20 | 100 | 80,00 |
| 25 | Ném trứng dích           | 4 | 102 | 81,60 | 101 | 80,80 | 111 | 88,80 | 101 | 80,80 |
| 26 | Tung bóng cho nhau       | 4 | 101 | 80,80 | 101 | 80,80 | 54  | 43,20 | 58  | 46,40 |
| 27 | Kéo cửa lửa xẻ           | 4 | 107 | 85,60 | 110 | 88,00 | 71  | 56,80 | 61  | 48,80 |
| 28 | Vật tay                  | 4 | 62  | 49,60 | 42  | 33,60 | 75  | 60,00 | 76  | 60,80 |
| 29 | Chuyển đồ vật            | 5 | 94  | 75,20 | 109 | 87,20 | 97  | 77,60 | 119 | 95,20 |
| 30 | Ai nhanh và khéo hơn     | 5 | 15  | 12,00 | 62  | 49,60 | 95  | 76,00 | 105 | 84,00 |
| 31 | Vượt rào tiếp sức        | 5 | 0   | 0,00  | 0   | 0,00  | 28  | 22,40 | 72  | 57,60 |
| 32 | Chuyển nhanh, nhảy nhanh | 5 | 12  | 9,60  | 13  | 10,40 | 97  | 77,60 | 108 | 86,40 |
| 33 | Chồng đồng chồng đe      | 5 | 96  | 76,80 | 88  | 70,40 | 71  | 56,80 | 79  | 63,20 |
| 34 | Trồng nụ trồng hoa       | 5 | 91  | 72,80 | 112 | 89,60 | 97  | 77,60 | 110 | 88,00 |
| 35 | Nhảy từ trên cao xuống   | 5 | 96  | 76,80 | 98  | 78,40 | 42  | 33,60 | 69  | 55,20 |

**Bảng 3. Kết quả lựa chọn TCVD của GV trong giờ ngoại khóa cho HSTH tỉnh Thái Nguyên (lần 2, n = 125)**

| TT | Trò chơi             | Nhóm | Lựa tuổi  |         |           |         |           |         |           |         |
|----|----------------------|------|-----------|---------|-----------|---------|-----------|---------|-----------|---------|
|    |                      |      | 6 (Lớp 1) |         | 7 (Lớp 2) |         | 8 (Lớp 3) |         | 9 (Lớp 4) |         |
|    |                      |      | n         | Tỉ lệ % | n         | Tỉ lệ % | n         | Tỉ lệ % | n         | Tỉ lệ % |
| 1  | Bịt mắt bắt dê       | 1    | 110       | 88,00   | 111       | 88,80   | 34        | 27,20   | 65        | 52,00   |
| 2  | Tâng cầu             | 1    | 102       | 81,60   | 102       | 81,60   | 108       | 86,40   | 121       | 96,80   |
| 3  | Làm theo hiệu lệnh   | 1    | 58        | 46,40   | 65        | 52,00   | 99        | 79,20   | 95        | 76,00   |
| 4  | Ai giỏi hơn ai       | 1    | 100       | 80,00   | 109       | 87,20   | 83        | 66,40   | 76        | 60,80   |
| 5  | Chơi gà              | 1    | 14        | 11,20   | 50        | 40,00   | 100       | 80,00   | 110       | 88,00   |
| 6  | Chơi với vòng        | 1    | 119       | 95,20   | 110       | 88,00   | 110       | 88,00   | 116       | 92,80   |
| 7  | Sáng, tối            | 1    | 71        | 56,80   | 69        | 55,20   | 39        | 31,20   | 78        | 62,40   |
| 8  | Tiếp sức con thoi    | 2    | 32        | 25,60   | 45        | 36,00   | 108       | 86,40   | 117       | 93,60   |
| 9  | Sấn sằng chờ lệnh    | 2    | 101       | 80,80   | 110       | 88,00   | 49        | 39,20   | 51        | 40,80   |
| 10 | Giành cờ chiến thắng | 2    | 30        | 24,00   | 74        | 59,20   | 111       | 88,80   | 106       | 84,80   |
| 11 | Chạy với chong chóng | 2    | 101       | 80,80   | 108       | 86,40   | 109       | 87,20   | 100       | 80,00   |
| 12 | Thả đĩa ba ba        | 2    | 114       | 91,20   | 98        | 78,40   | 69        | 55,20   | 66        | 52,80   |
| 13 | Rồng, rắn            | 2    | 90        | 72,00   | 100       | 80,00   | 111       | 88,80   | 102       | 81,60   |
| 14 | Trao khăn            | 2    | 38        | 30,40   | 85        | 68,00   | 72        | 57,60   | 68        | 54,40   |
| 15 | Gà đuổi cóc          | 3    | 99        | 79,20   | 118       | 94,40   | 65        | 52,00   | 68        | 54,40   |
| 16 | Ếch nhảy             | 3    | 101       | 80,80   | 101       | 80,80   | 115       | 92,00   | 106       | 84,80   |
| 17 | Lò cò tiếp sức       | 3    | 31        | 24,80   | 29        | 23,20   | 97        | 77,60   | 115       | 92,00   |
| 18 | Nhảy dây             | 3    | 0         | 0,00    | 0         | 0,00    | 116       | 92,80   | 118       | 94,40   |
| 19 | Tránh bóng           | 3    | 119       | 95,20   | 101       | 80,80   | 58        | 46,40   | 58        | 46,40   |
| 20 | Nhảy ô               | 3    | 109       | 87,20   | 113       | 90,40   | 98        | 78,40   | 98        | 78,40   |
| 21 | Nhảy cừu             | 3    | 0         | 0,00    | 0         | 0,00    | 25        | 20,00   | 81        | 64,80   |
| 22 | Cưỡi ngựa tung bóng  | 4    | 31        | 24,80   | 48        | 38,40   | 94        | 75,20   | 111       | 88,80   |
| 23 | Ném còn              | 4    | 50        | 40,00   | 37        | 29,60   | 119       | 95,20   | 100       | 80,00   |
| 24 | Ai kéo khỏe          | 4    | 100       | 80,00   | 107       | 85,60   | 101       | 80,80   | 98        | 78,40   |
| 25 | Ném trứng dích       | 4    | 108       | 86,40   | 113       | 90,40   | 116       | 92,80   | 97        | 77,60   |

|    |                          |   |     |       |     |       |     |       |     |       |
|----|--------------------------|---|-----|-------|-----|-------|-----|-------|-----|-------|
| 26 | Tung bóng cho nhau       | 4 | 106 | 84,80 | 100 | 80,00 | 54  | 43,20 | 61  | 48,80 |
| 27 | Kéo cửa lừa xẻ           | 4 | 111 | 88,80 | 114 | 91,20 | 68  | 54,40 | 64  | 51,20 |
| 28 | Vật tay                  | 4 | 60  | 48,00 | 38  | 30,40 | 74  | 59,20 | 81  | 64,80 |
| 29 | Chuyển đồ vật            | 5 | 98  | 78,40 | 114 | 91,20 | 99  | 79,20 | 117 | 93,60 |
| 30 | Ai nhanh và khéo hơn     | 5 | 19  | 15,20 | 62  | 49,60 | 95  | 76,00 | 108 | 86,40 |
| 31 | Vượt rào tiếp sức        | 5 | 0   | 0,00  | 0   | 0,00  | 32  | 25,60 | 77  | 61,60 |
| 32 | Chuyền nhanh, nhảy nhanh | 5 | 10  | 8,00  | 13  | 10,40 | 100 | 80,00 | 101 | 80,80 |
| 33 | Chồng đồng chồng đê      | 5 | 100 | 80,00 | 95  | 76,00 | 65  | 52,00 | 84  | 67,20 |
| 34 | Trồng nụ trồng hoa       | 5 | 97  | 77,60 | 117 | 93,60 | 99  | 79,20 | 100 | 80,00 |
| 35 | Nhảy từ trên cao xuống   | 5 | 101 | 80,80 | 99  | 79,20 | 58  | 46,40 | 73  | 58,40 |

**Bảng 4. Giá trị chỉ số Wilcoxon qua 2 lần phỏng vấn lựa chọn TCVĐ trong giờ ngoại khóa cho HSTH trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên**

| TT | TCVĐ theo lớp  | t      | W <sub>a</sub> |
|----|----------------|--------|----------------|
| 1  | Lớp 1 (6 tuổi) | 392.50 | 317.48         |
| 2  | Lớp 2 (7 tuổi) | 370.50 | 281.12         |
| 3  | Lớp 3 (8 tuổi) | 328    | 299.03         |
| 4  | Lớp 4 (9 tuổi) | 356    | 336.47         |

lớp 1 đến lớp 4 đã xác định. Kết quả thu được trình bày tại bảng 4.

Từ kết quả thu được bảng 4 cho thấy: ở mức giá trị  $\alpha = 0.05$  ( $n > 20$ , so sánh cặp đôi, tiêu chuẩn hai phía) thì giá trị  $t > W\alpha$ , điều đó chứng tỏ kết quả giữa 2 lần phỏng vấn là thống nhất với nhau. Hay nói cách khác, kết quả 2 lần phỏng vấn các chuyên gia và GV đều có sự đồng nhất về ý kiến lựa chọn TCVĐ phù hợp với lứa tuổi, đặc điểm đối tượng và điều kiện thực tế để ứng dụng trong giờ ngoại khóa cho HSTH trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên mà quá trình nghiên cứu của luận án đã đề xuất.

Từ những kết quả nghiên cứu trên luận án đã xác định được 30 TCVĐ ứng dụng trong giờ ngoại khóa cho HSTH tỉnh Thái Nguyên. Kết quả cụ thể được trình bày ở bảng 5.

### 3. KẾT LUẬN

Quá trình nghiên cứu của luận án đã lựa chọn được 30 TCVĐ phù hợp với độ tuổi cho HSTH trên địa bàn

**Bảng 5. Tổng hợp những TCVĐ được lựa chọn để ứng dụng trong giờ ngoại khóa cho HSTH tỉnh Thái Nguyên**

| Lớp<br>Nhóm | Lớp 1 và lớp 2         | Lớp 3 và lớp 4           |
|-------------|------------------------|--------------------------|
| Nhóm 1      | Bịt mắt bắt dê         | Tâng cầu                 |
|             | Tâng cầu               | Làm theo hiệu lệnh       |
|             | Ai giỏi hơn ai         | Chọi gà                  |
|             | Chơi với vòng          | Chơi với vòng            |
| Nhóm 2      | Chạy với chong chóng   | Tiếp sức con thoi        |
|             | Sẵn sàng chờ lệnh      | Chạy với chong chóng     |
|             | Thả đĩa ba ba          | Giành cờ chiến thắng     |
|             | Rồng, rắn              | Rồng, rắn                |
| Nhóm 3      | Gà đuổi cóc            | Lò cò tiếp sức           |
|             | Ếch nhảy               | Ếch nhảy                 |
|             | Tránh bóng             | Nhảy dây                 |
|             | Nhảy ô                 | Nhảy ô                   |
| Nhóm 4      | Ai kéo khỏe            | Cưỡi ngựa tung bóng      |
|             | Ném trứng đích         | Ném còn                  |
|             | Tung bóng cho nhau     | Ném trứng đích           |
|             | Kéo cửa lừa xẻ         | Ai kéo khỏe              |
| Nhóm 5      | Chuyển đồ vật          | Ai nhanh và khéo hơn     |
|             | Nhảy từ trên cao xuống | Chuyền nhanh, nhảy nhanh |
|             | Chồng đồng chồng đê    | Chồng đồng chồng đê      |
|             | Trồng nụ trồng hoa     | Trồng nụ trồng hoa       |

tỉnh Thái Nguyên. Kết quả phỏng vấn đã thể hiện mức độ đồng nhất và độ tin cậy về các ý kiến đánh giá của các chuyên gia và các giáo viên trong quá trình lựa chọn các TCVĐ thông qua tiêu chuẩn Wilcoxon (tiêu chuẩn kiểm định tính thuần nhất của 2 mẫu phụ thuộc) với giá trị  $T > W\alpha$  ở mức  $\alpha = 0.05$ .

### TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Phạm Xuân Kiều (2006), *Giáo trình xác suất và thống kê*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
2. Trần Đồng Lâm chủ biên (1997), *100 Trò chơi vận động cho HSTH*, Nxb Đại học Sư phạm, Hà Nội.
3. Trần Đồng Lâm chủ biên (2011), *Sách GV Thể dục lớp 1, 2, 3, 4, 5*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
4. Đinh Văn Lãm, Đào Bá Trì (1999), *Giáo trình TCVĐ*, Nxb Thể dục thể thao.

Trích nguồn: kết quả nghiên cứu đề tài luận án tiến sĩ, “Lựa chọn và ứng dụng TCVĐ trong giờ ngoại khóa cho HSTH tỉnh Thái Nguyên”, của tác giả năm 2018)

(Ngày Tòa soạn nhận được bài: 22/4/2019; ngày phản biện đánh giá: 12/6/2019; ngày chấp nhận đăng: 18/7/2019)